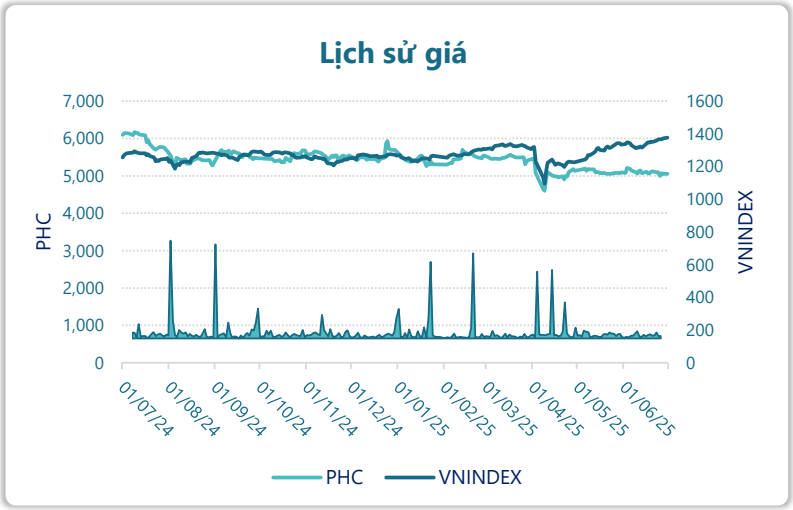
FireAnt

CTCP Xây dựng Phục Hưng Holdings (HSX: PHC)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**5,050**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	6,169
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,600
SL cổ phiếu LH	50,681,927
KLGD BQ 20 phiên (CP)	153,835
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	256
P/E	35.7
EPS	141

DT thuần

Q2/25

327

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 104| 46.6%

YoY: ▼97.0| -22.9%

LN sau thuế

Q2/25

1.12

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.14| -11.3%

YoY: ▲ 0.35| 45.1%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

4.4%

+/- YoY: ▲ 0.1%

DT thuần

6T 2025

550

tỷ VNĐ

YoY: ▼77.0| -12.3%

LN sau thuế

6T 2025

2.38

tỷ VNĐ

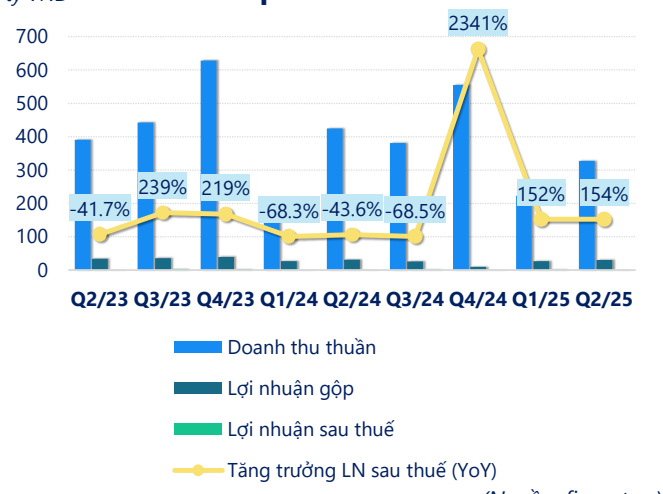
YoY: ▲ 0.69| 40.7%

ROE

Q2/25

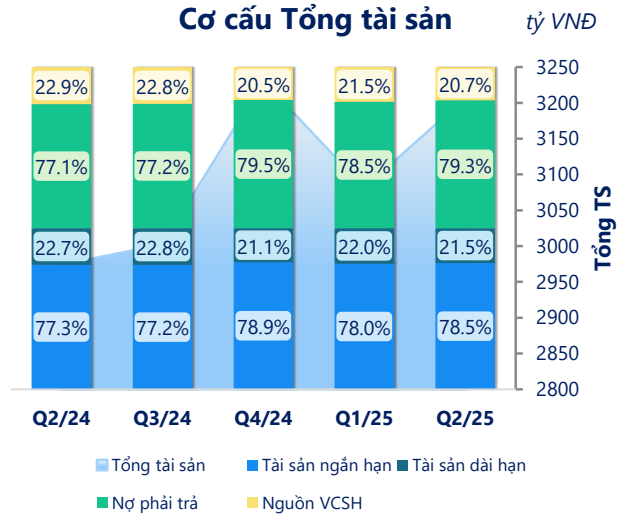
1.1%

Kết quả kinh doanh



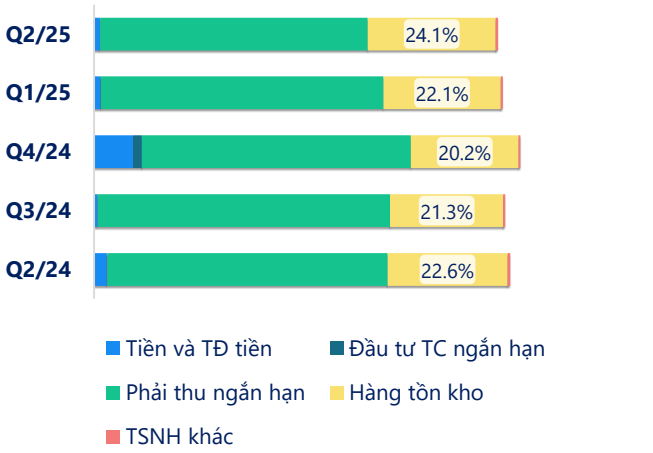
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



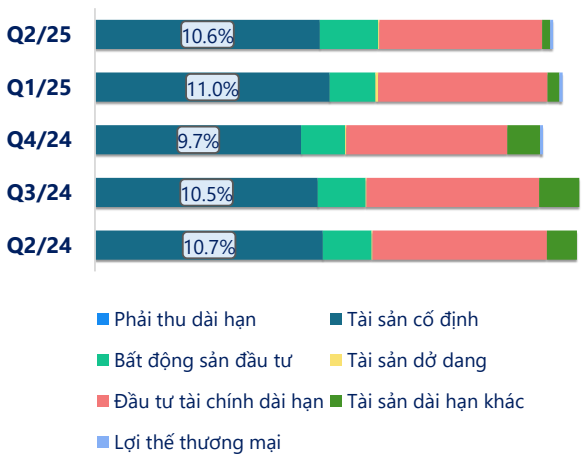
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



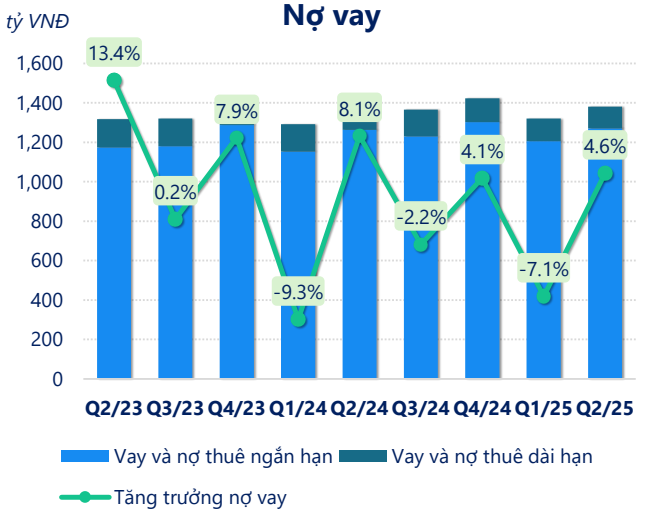
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



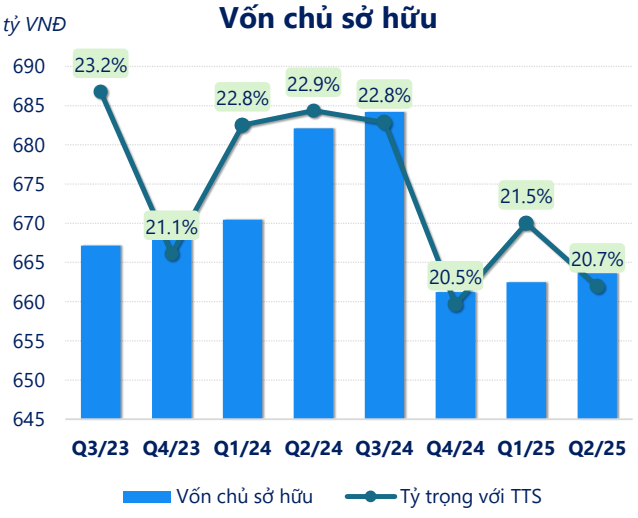
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



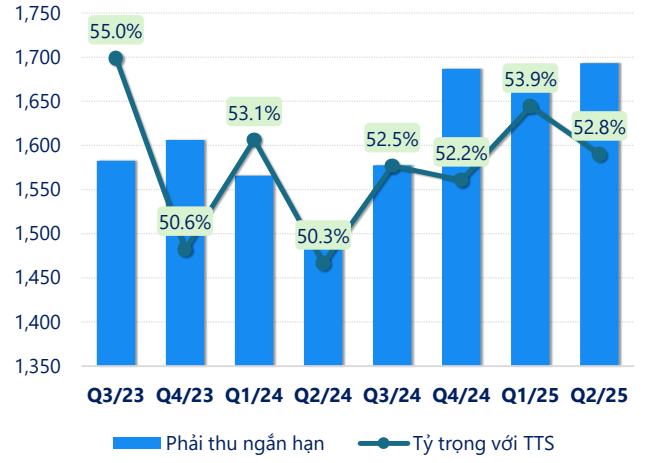
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



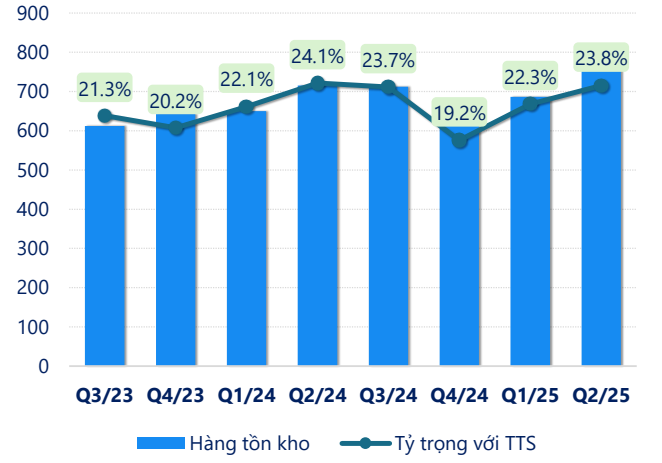
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



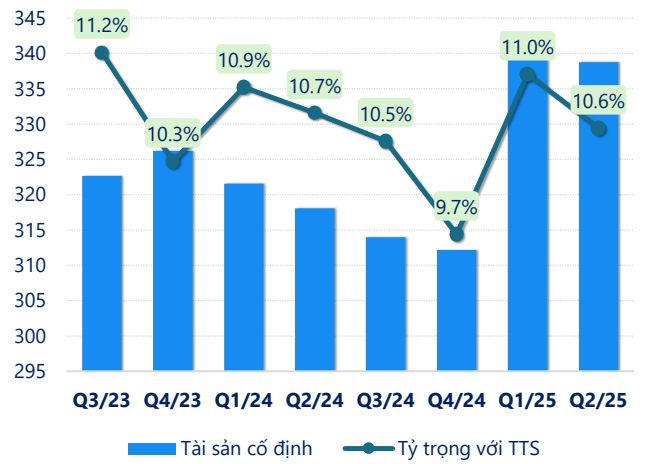
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



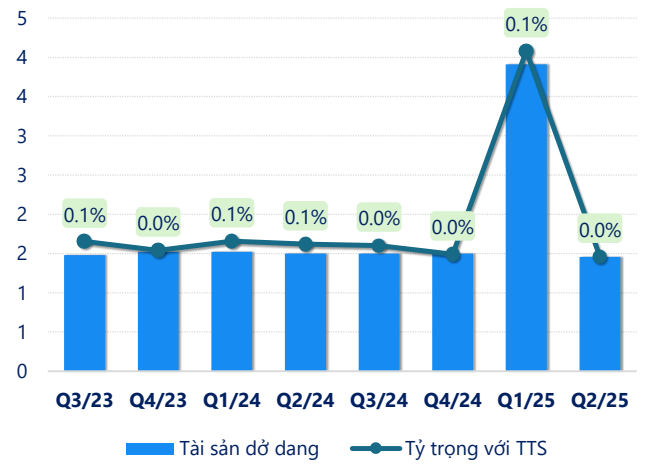
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



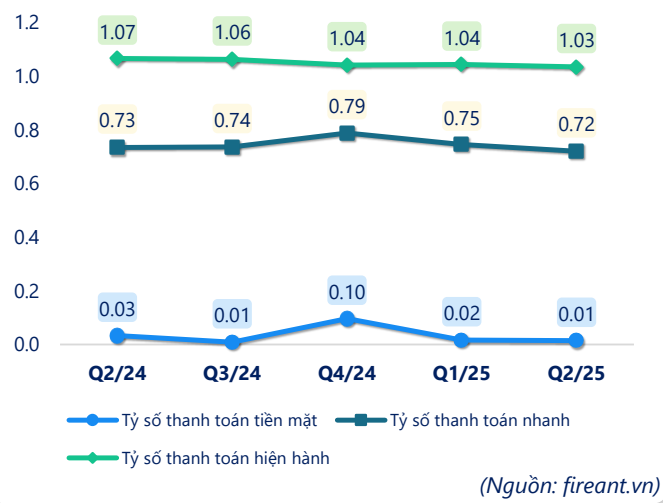
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



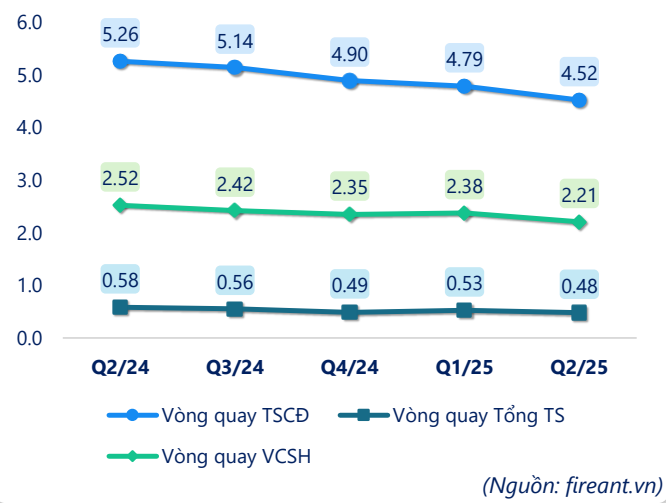
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**2,974**	**3,003**	**3,231**	**3,082**	**3,206**
Tài sản ngắn hạn	**2,300**	**2,319**	**2,550**	**2,404**	**2,516**
Tiền và tương đương tiền	71.5	18.9	236	37.8	34.5
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.98	1.98	2.00	10.2	10.9
Phải thu ngắn hạn	1,497	1,577	1,687	1,660	1,693
Hàng tồn kho	715	712	620	687	765
Tài sản ngắn hạn khác	14.4	8.47	5.04	9.05	12.8
Tài sản dài hạn	**674**	**684**	**681**	**677**	**691**
Phải thu dài hạn	0.56	0.56	0.85	0.29	0.29
Tài sản cố định	318	314	312	340	339
Bất động sản đầu tư	68.1	67.6	67.0	66.5	88.1
Tài sản dở dang	1.50	1.50	1.50	3.91	1.46
Đầu tư tài chính dài hạn	244	244	245	245	245
Tài sản dài hạn khác	42.1	56.5	49.4	17.1	12.1
Lợi thế thương mại	0	0	4.76	4.64	4.52
Nợ phải trả	**2,292**	**2,318**	**2,569**	**2,419**	**2,543**
Nợ ngắn hạn	**2,158**	**2,182**	**2,449**	**2,304**	**2,432**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,264	1,231	1,303	1,206	1,271
Phải trả người bán ngắn hạn	537	576	750	641	652
Nợ dài hạn	134	136	120	115	111
Vay và nợ thuê dài hạn	133	136	120	115	110
Nguồn vốn chủ sở hữu	**682**	**684**	**661**	**662**	**664**
Vốn chủ sở hữu	**682**	**684**	**661**	**662**	**664**
Vốn điều lệ	507	507	507	507	507
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)